|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRUNG TÂM Y TẾ**  **HUYỆN XUYÊN MỘC** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: | *Xuyên Mộc, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

**& PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021**

**PHẦN I: BÁO CÁO SƠ KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

**A. TÌNH HÌNH CHUNG:**

**I. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm của cấp trên: Sở Y tế, Huyện ủy, UBND huyện Xuyên Mộc chỉ đạo sâu sát về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đầu tư nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất lên 200 giường bệnh.

- Được sự hỗ trợ về chuyên môn của các đơn vị chức năng tuyến tỉnh.

- Được sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể trong huyện.

**II. Khó khăn:**

- Dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

- Thiếu nhân lực, đặc biệt là bác sĩ, mặc dù trong năm đã tiếp nhận 06 bác sĩ mới nhưng chưa có chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh, nên vẫn chưa khắc phục được khó khăn.

- Thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất quá tải; công trình đang thi công ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

- Nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh không đủ trang trải hoạt động.

**B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:**

**I. KIỆN TOÀN MẠNG LƯỚI:**

**1. Tổ chức:**

- Duy trì thực hiện theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc, gồm có: 5 phòng chức năng, 12 khoa chuyên môn và 13 trạm Y tế xã, thị trấn.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 về việc nâng quy mô giường bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Xuyên Mộc từ 170 giường lên 220 giường. Trung tâm Y tế huyện đã xây dựng Kế hoạch số 330/KH-TTYT ngày 08/9/2020 để triển khai.

**2. Cơ sở vật chất-trang thiết bị**:

- Trung tâm Y tế huyện:

+ Đơn vị thi công đang triển khai thi công các hạng mục thuộc dự án nâng cấp, mở rộng trung tâm Y tế lên 200 giường bệnh, hoàn thiện 80% công trình, đã bàn giao một số hạng mục đưa vào sử dụng, gồm: Khoa Truyền nhiễm, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, hội trường.

+ Sở Y tế cấp bổ sung một số thiết bị chuyên dùng, gồm: Hệ thống X quang kỹ thuật số, máy gây mê, dụng cụ phẫu thuật, máy nội soi dạ dày-tá tràng.

+ Bổ sung dụng cụ, tiện nghi phục vụ bệnh nhân khám bệnh và điều trị nội trú, phương tiện làm việc cho nhân viên y tế.

- Các trạm Y tế xã, thị trấn: UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã, thị trấn đầu tư chống xuống cấp, bổ sung phương tiện làm việc cho một số trạm Y tế xã, thị trấn.

**3. Nhân lực:**

- Hiện có: 315/365 biên chế được giao, trong đó: 274 viên chức, 41 NLĐ theo HĐ 161 (có 31 bác sĩ, 5 dược sĩ đại học, 50% bác sĩ, dược sĩ có trình độ sau đại học).

- Giảm trong kỳ: 15 (nghỉ hưu: 9, nghỉ việc: 3, chuyển công tác: 3). Tăng trong kỳ: 12 (viên chức: 8; HĐ 161: 4).

**II. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ:**

**1. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH:**

**1.1. Tình hình dịch bệnh COVID-19:** Số liệu cập nhật đến ngày 31/12/2020.

- Số ca mắc: 0.

- Số ca nghi ngờ, cách ly theo dõi tại Khoa Truyền nhiễm: 3 (xét nghiệm âm tính đã xuất viện), 1 ca điều trị tại Bệnh viện Bà Rịa (Bưng Riềng).

- Số người cách ly tập trung (F1): 55 (trong đó có 41 người liên quan với trường hợp T.T.T.P, 14 ca nhập cảnh từ các quốc gia khác).

- Số cách ly tại nhà, nơi lưu trú (F2): 398 (trong đó có 286 ca liên quan với trường hợp T.T.T.P, 112 ca về từ các vùng có dịch).

- Số tự theo dõi sức khoẻ (F3): 1.749 (trong đó có 941 ca F3 liên quan với trường hợp T.T.T.P, 808 ca về từ các địa phương có dịch trong nước).

- Quản lý điều tra, giám sát, theo dõi chặt chẽ số người hết thời gian cách ly tập trung tại các tỉnh thành phố về địa phương (47 trường hợp). Trong đó có 02 trường hợp là bệnh nhân COVID-19: 119 (lưu trú tại Hồ Tràm) và 1.193 (thị trấn Phước Bửu).

- Các hoạt động đã triển khai:

+ Kịp thời xây dựng các phương án, kịch bản ứng phó với từng cấp độ dịch; triển khai đầy đủ các quy định của Bộ Y tế, Sở Y tế.

+ Tăng cường giám sát người có yếu tố nghi ngờ, dịch tễ, xác minh các thông tin trên phần mềm khai báo y tế.

+ Triển khai thực hiện đo thân nhiệt, sàng lọc, phân luồng, hướng dẫn cho tất cả những người vào cổng bệnh viện đảm bảo luôn đeo khẩu trang, sát khuẩn tay, giữ khoảng cách an toàn khi tiếp xúc.

+ Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, thuốc, vật tư tiêu hao, phương tiện phòng hộ cho nhân viên y tế.

+ Tăng cường công tác truyền thông phòng chống dịch bệnh.

+ Kết quả đánh giá của Sở Y tế về năng lực phòng chống COVID-19 của đơn vị đạt 88%, xếp loại bệnh viện an toàn (theo Quyết định 3088/QĐ-BYT).

**1.2. Các dịch bệnh khác:**

| **TT** | **Tên bệnh** | **Năm 2020** | | **Năm 2019** | | **So sánh** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mắc** | **Chết** | **Mắc** | **Chết** | **Mắc** | **Chết** |
| 1 | Tay chân miệng | 131 | 00 | 263 | 00 | Giảm 132 |  |
| 2 | Thủy đậu | 43 | 00 | 26 | 00 | Tăng 17 |  |
| 3 | Quai bị | 20 | 00 | 26 | 00 | Giảm 6 |  |
| 4 | Thương hàn | 6 | 00 | 6 | 00 | Bằng |  |
| 5 | Viêm gan vi rút | 19 | 00 | 9 | 00 | Tăng 10 |  |

**2. HOẠT ĐỘNG KHÁM, CHỮA BỆNH:**

**2.1. Y học hiện đại**

| **TT** | **Nội dung** | **Thực hiện 2020** | **Thực hiện 2019** | **Chỉ tiêu năm 2020** | **Đạt % KH** | **Tỷ lệ tăng, giảm so với cùng kỳ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | TS lần khám bệnh | 219.431 | 241.049 | 190.000 | 115 | Giảm 8,96% |
| - Tại TTYT | 167.570 | 191.457 | 150.000 | 111 | Giảm 12,4% |
| - Tại TYT | 51.861 | 49.592 | 40.000 | 129 | Tăng 4,57% |
| 2 | TS BN điều trị nội trú | 9.811 | 14.694 | 13.688 | 71,6 | Giảm 33,2% |
| 3 | TS ngày điều trị nội trú | 26.654 | 44.350 | 43.800 | 60,8 | Giảm 39,9% |
| 4 | Công suất sử dụng giường bệnh (%), cụ thể: | 36,5%  (200 giường) | 81%  (150 giường) | 80%  (200 giường) | 36,5% | Giảm 40% |
| - Khoa HSCC (20) | 38,9 | 105 |  |  |  |
| - Khoa Nội-Nhi (60) | 62,1 | 134 |  |  |  |
| - Khoa Truyền nhiễm (30) | 24 | 58,3 |  |  |  |
| - Khoa Ngoại TH (30) | 39,2 | 62,6 |  |  |  |
| - Khoa CSSKSS (40) | 19,2 | 48,4 |  |  |  |
| - Khoa YHCT&PHCN (20) | 6,4 | 34,2 |  |  |  |
| 7 | Tỉ lệ chuyển tuyến chung  - Ngoại trú  - Nội trú | 10,4 %  10,07  16,7 | 9,81%  9,55  13,2 |  |  | Tăng 0,6% |
| 8 | TS phẫu thuật | 4.056 | 5.593 | 4000 | 101 | Giảm 27,4% |
| 9 | TS tử vong:  - Ngoại viện:  - Trong viện (trước 24h): | 47  47  00 | 41  40  01 |  |  | Tăng 6 ca |
| 10 | Cận lâm sàng: |  |  |  |  |  |
| Xét nghiệm | 86.167 | 148.496 | 120.000 | 71,8 | Giảm 41,9% |
| X quang | 12.586 | 14.773 | 12.000 | 104,8 | Giảm 14,8% |
| Siêu âm | 10.746 | 12.931 | 12.000 | 89,5 | Giảm 16,8% |
| Nội soi (TMH) | 54 | 298 | 1.000 | 5,4 | Giảm 81,8% |
| Điện tim | 5.905 | 9.443 | 10.000 | 59,05 | Giảm 37,4% |

**2.2. Y dược cổ truyền**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thực hiện**  **2020** | **Thực hiện**  **2019** | **So sánh** |
| 1 | TS lần khám YHCT | 36.838 | 35.016 | Tăng 5,2% |
| - Tại TTYT | 21.663 | 20.965 |  |
| - Tại TYT | 15.175 | 14.051 |  |
| 2 | TS BN điều trị nội trú | 39 | 131 | Giảm 70,2% |
| 3 | TS điều ngày điều trị nội trú | 472 | 1.249 | Giảm 62,2% |
| 4 | TS BN điều trị ngoại trú | 520 | 351 | Tăng 48% |

**2.3. Các kỹ thuật mới đã triển khai:**

| **TT** | **Nội dung** | **Số lượt thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thận nhân tạo (9 máy, 34 bệnh nhân) | 5.167 |
| 2 | CT scanner | 925 |
| 3 | Chụp nhũ ảnh | 21 |
| 5 | Đo chức năng hô hấp | 17 |

**2.4. Nhận xét:**

- Tổng số lượt khám, số bệnh nhân điều trị nội trú và công suất sử dụng giường bệnh đều giảm so với năm 2019.

- Tỉ lệ chuyển tuyến chung tăng 0,6%. Trong đó chuyển tuyến nội trú tăng 3,5%. Các nhóm bệnh chuyển tuyến ngoại trú cao nhất là: Mắt, ngoại khoa, sản phụ khoa. Các khoa nội trú chuyển tuyến nhiều nhất là: HSCC, Ngoại tổng hợp, CSSKSS.

- Tổng số lần khám YHCT tăng 5,2%, tổng số điều trị ngoại trú tăng 48% và điều trị nội trú giảm 70,2%, do bệnh nhân chỉ muốn điều trị ngoại trú ban ngày.

- Các hoạt động cận lâm sàng chưa đạt chỉ tiêu và giảm so với năm 2019.

- Công tác triển khai kỹ thuật mới: Bước đầu thực hiện đo chức năng hô hấp, triển khai phòng tư vấn Tăng huyết áp, Đái tháo đường.

**3. HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ-DÂN SỐ:**

**3.1. Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến**

**3.1.1. Dự án phòng, chống lao:**

- Các hoạt động đã triển khai: Truyền thông, giáo dục sức khỏe; giám sát, khám phát hiện, thu dung và quản lý, điều trị.

- Kết quả: Tổng số khám phát hiện 490 ca đạt 40,8%, giảm 275 ca so với năm 2019. Số bệnh nhân mới thu dung 150 đạt 107%; Số bệnh nhân điều trị khỏi 130 đạt 100%.

**3.1.2. Dự án phòng, chống phong:**

- Các hoạt động đã triển khai: Kiểm tra giám sát chương trình Phong; giám sát bệnh nhân Phong; phẫu thuật bệnh nhân lỗ đáo.

- Kết quả: Tiến hành khám da sàng lọc 27.728 người đạt 92,4% (Chỉ tiêu 30.000 người), không phát hiện bệnh nhân phong mới. Chăm sóc tàn tật cho 26 người. Phẫu thuật lỗ đáo 1 người.

**3.1.3. Dự án phòng, chống sốt rét :**

- Các hoạt động đã triển khai: Giám sát sốt rét định kỳ tại các xã trọng điểm; điều tra côn trùng định kỳ; xét nghiệm định kỳ tại các điểm kính. Thực hiện tẩm mùng phòng chống Véc tơ Sốt rét tại 4 xã Tân Lâm, Hoà Hội, Hoà Hiệp, Bàu Lâm.

- Kết quả: Test nhanh 955 trường hợp. Lam kính 250 trường hợp. Ghi nhận 1 trường hợp bệnh sốt rét ngoại lai.

**3.1.4. Dự án phòng, chống sốt xuất huyết:**

- Các hoạt động đã triển khai: Giám sát ca bệnh; xử lý ổ dịch; tổ chức 3 đợt chiến dịch diệt lăng quăng, 100% các xã, thị trấn tổ chức thực hiện. Tiếp nhận và điều trị đúng phác đồ quy định của Bộ Y tế.

- Tổng số bệnh nhân mắc Sốt xuất huyết 184 ca giảm 1.263 ca so với năm 2019. So với chỉ tiêu đạt 89,7% (184/205). Trong đó số ca độ III-IV: 03 ca giảm 01 so với năm 2019. Không có tử vong do SXH. Tổng số ổ dịch được xử lý là 94/94 đạt 100%, giảm 427 ổ dịch so với năm 2019.

**3.1.5. Dự án phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản:**

**-** Các hoạt động đã triển khai: khám sàng lọc bệnh nhân; Triển khai giám sát hoạt động quản lý bệnh nhân tại các xã, thị trấn.

**-** Kết quả:

+ Tỷ lệ bệnh nhân khám phát hiện là 116 ca đạt 232% chỉ tiêu kế hoạch.

+ Tỷ lệ bệnh nhân được quản lý 260 đạt 180%.

**3.1.6. Y tế trường học:**

- Các hoạt động đã triển khai: Phối hợp khoa kiểm soát bệnh tật khử khuẩn các trường học phòng chống dịch bệnh;Tổ chức kiểm tra, giám sát ATVSTP tất cả các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện.

- Kết quả:Năm học mới khử khuẩn 100% các trường, kiểm tra 30 trường từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt 80%

**3.1.7. Dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng:**

- Các hoạt động đã triển khai: triển khai giám sát 24 đợt tại các xã, thị trấn.

- Kết quả:

+ Số bệnh nhân phát hiện mới 8/16 đạt 50%.

+ Duy trì, quản lý điều trị ổn định cho 495/505 (97,4%). Trong đó: Tâm thần phân liệt: 253; Động kinh: 208; Trầm cảm: 14; Chậm phát triển tâm thần: 15; khác: 5.

**3.1.8. Dự án phòng, chống bệnh tim mạch:**

- Các hoạt động đã triển khai: Duy trì sinh hoạt câu lạc bộ tăng huyết áp (THA); khám sàng lọc bệnh THA; triển khai mô hình quản lý, phát hiện và điều trị bệnh THA; duy trì việc quản lý bệnh nhân THA sau khám sàng lọc. Kết hợp thực hiện trong khâu đột phá của tỉnh.

- Kết quả: Số bệnh nhân THA được phát hiện 10.011 đạt 53,7% so với mắc ước đoán (chỉ tiêu 50%). Quản lý và điều trị 5.121 bệnh nhân tăng huyết áp sau khám phát hiện đạt 51,1% (chỉ tiêu 30%).

**3.1.9. Dự án phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt:**

- Các hoạt động đã triển khai: Giám sát dự án phòng chống bệnh Đái tháo đường (ĐTĐ) tại xã; duy trì quản lý, tư vấn bệnh nhân tiền ĐTĐ, ĐTĐ sau khám sàng lọc. Kết hợp thực hiện trong khâu đột phá của tỉnh.

- Kết quả: Số bệnh nhân đái tháo đường được phát hiện 1.875 đạt 43,6% số ĐTĐ trong cộng đồng (chỉ tiêu 40%). Quản lý điều trị bệnh nhân ĐTĐ 940 đạt 50,1% (chỉ tiêu 40%).

- Tỉ lệ sử dụng muối I-ốt trong cộng đồng dân cư và tỉ lệ số mẫu kiểm tra đạt chất lượng 100%.

**3.2. Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng:**

- Các hoạt động đã triển khai: Giám sát hoạt động tiêm chủng thường xuyên hàng tháng; giám sát bệnh truyền nhiễm có trong chương trình tiêm chủng mở rộng;

- Kết quả: Số trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ 2.398 trẻ đạt 99,7% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 2,7% so với năm 2019. Tỷ lệ phụ nữ có thai tiêm đủ liều vắc xin uốn ván đạt 94%. Công tác tiêm chủng an toàn không ghi nhận các phản ứng bất thường sau tiêm chủng.

**3.3. Dự án 3: Dân số và phát triển:**

**3.3.1. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:**

- Các hoạt động đã triển khai: Kế hoạch hóa gia đình; Đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn; Tổ chức các hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh và nâng cao chất lượng dân số; Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Kết quả:

+ Tỉ lệ tăng tự nhiên: 10,8 ‰

+ Tỉ lệ sinh năm 2020 giảm 0,235‰, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch (14,10%);

+ Tổng các biện pháp tránh thai đạt 101,7% kế hoạch

**3.3.2.Chăm sóc sức khỏe sinh sản:**

- Các hoạt động đã triển khai: Chăm sóc sơ sinh sớm thiết yếu cho bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ. Tham gia tổ chức 03 lớp tập huấn cho học sinh về kiến thức “Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên- thanh niện” cho 300 học sinh của 3 trường phổ thông cơ sở Bàu Lâm, Hòa Hưng và Phước Tân. Triển khai khám sàng lọc, dự phòng ung thư thứ cấp cổ tử cung bằng phương pháp: VIA và VILI trên 100% xã/phường/thị trấn. Đẩy mạnh công tác thông tin - giáo dục - truyền thông và tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản dưới nhiều hình thức phong phú và đa dạng.

- Kết quả:

+ Tỉ lệ thai phụ được quản lý thai đạt chất lượng: 99,8% , đạt chỉ tiêu kế hoạch, 100% sản phụ sinh có cán bộ y tế đở, không có tử vong mẹ do tai biến sản khoa.

+ Tổng số trẻ sơ sinh cân nặng < 2500gr: 38 trẻ chiếm 2,05% (chỉ tiêu <4%).

+ Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh và chăm sóc tuần đầu đạt 99,3% chỉ tiêu kế hoạch.

**3.3.3. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:**

- Các hoạt động đã triển khai:Số trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng được cán bộ y tế tư vấn dinh dưỡng tại nhà hoặc tại cơ sở y tế đạt chỉ tiêu chương trình đề ra; theo dõi cân nặng và chấm biểu đồ tăng trưởng của trẻ dưới 5 tuổi được thực hiện hàng tháng tại Trạm Y tế.

- Kết quả:

+ Tỉ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 6,8%

+ Tỉ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi: 12,2%

**3.3.4. Phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng:**

- Các hoạt động đã triển khai:Giám sát hàng quý và hướng dẫn, hỗ trợ tập luyện cho người khuyếttật tại cộng đồng. Tham gia sàng lọc những người khuyết tật bị ảnh hưởng chất độc da cam(dioxin) để đưa vào tập luyện PHCN.

- Kết quả:

+ Số người tàn tật tại cộng đồng được tập luyện PHCN là 306 đạt 94,4%

+ Người khuyết tật được hướng dẫn tập luyện tại cộng đồng có tiến bộ: 224 đạt 99,6%

+ Người khuyết tật được hướng dẫn tập luyện đã hòa nhập xã hội 27 đạt 117%

**3.4. Dự án 4: An toàn thực phẩm:**

- Các hoạt động đã triển khai:Nói chuyện sức khoẻ, tuyên truyền, phát thanh trên loa đài về vệ sinh an toàn thực phẩm. Phối hợp với đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, giám sát phòng chống ngộ độc thực phẩm.

- Kết quả:

+ Tình hình ngộ độc thực phẩm:ghi nhận 01 vụ ngộ độc thực phẩm (15 ca) xảy ra tại xã Bàu Lâm và 01 vụ 23 người mắc do độc tố Ciguatoxin trong cá Hồng tại Bình Châu ngày 19/7/2020.

**+**Công tác thanh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm : phối hợp đoàn liên ngành kiểm tra 603 cơ sở trong đó 485 cơ sở đạt (80,4%). Không xử phạt vi phạm hành chính, nhắc nhở 118 cơ sở.

**3.5. Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS:**

- Các hoạt động đã triển khai: tiếp cận cộng đồng, truyền thông, tư vấn xét nghiệm HIV, giám sát phát hiện, điều trị Methadon, ARV.

- Kết quả:

+ Tổng số ca nhiễm HIV/AIDS tích luỹ: 277. Số còn sống: 193 người.

+ Tổng số điều trị ARV: 86 trường hợp.

+ Cấp phát Methadon: 12 (10 nam, 2 nữ) và 2 vãng lai.

+ Tỷ lệ bệnh nhân HIV được tiếp cận với dịch vụ y tế thanh toán qua Bảo hiểm Y tế đạt 100% (chỉ tiêu 90%).

**3.6. Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học:** Tiếp tục triển khai theo quy định chuyên môn về an toàn truyền máu.

**3.7. Dự án 7: Quân dân y kết hợp:** Đã xây dựng kế hoạch 233/KH-TTYT triển khai năm 2020; tham gia lớp tập huấn của tỉnh tổ chức.

**3.8. Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế:** Tiếp tục duy trì triển khai theo yêu cầu.

**3.9. Các chỉ tiêu khác:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Thực hiện** |
| 1 | Chỉ số hài lòng người bệnh nội trú | % | 87,5% |
| 2 | Số vụ ngộ độc thực phẩm và số người tử vong do ngộ độc thực phẩm | Vụ, người | 2 vụ, 38 người |
| 3 | Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý | % | 100% |

**4. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC:**

**4.1. Thực hiện quy chế bệnh viện:**

- Thực hiện giám sát đơn thuốc ngoại trú và hồ sơ bệnh án để chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những điểm chưa phù hợp nhằm củng cố chất lượng điều trị và hạn chế bị xuất toán chi phí KCB BHYT.

- Chấn chỉnh, củng cố công tác khám bệnh, cấp cứu, làm hồ sơ bệnh án.

**4.2. Đường dây nóng, hòm thư góp ý:** Tiếp nhận 10 phản ánh qua đường dây nóng, giảm 23 phản ánh so với năm 2019, nội dung chủ yếu về giờ giấc làm việc và nội quy, quy định tại cơ sở y tế. Không có phản ánh về tinh thần thái độ thái độ phục vụ của nhân viên y tế. Bên cạnh đó, ghi nhận 07 thư khen các cá nhân và tập thể đã có tinh thần phục vụ tốt, tận tình trong công tác khám chữa bệnh (tăng 6 thư khen so với năm 2019).

**4.3. Thực hiện xây dựng “Bệnh viện thân thiện, an toàn”:**

**-** Vi phạm: 01 cá nhân vi phạm (lý do không chấp hành ý kiến chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo).

- Khen thưởng: 07 cá nhân và 02 tập thể đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác khám chữa bệnh, tập thể Khoa Nội – Nhi đã có tinh thần phục vụ tốt, được bệnh nhân gửi thư khen. Tập thể Khoa Truyền nhiễm trong phong trào thực hành 5S.

- Vinh danh 09 viên chức đạt tiêu chí “Viên chức có phong cách tốt, thái độ phục vụ văn minh, thân thiện”.

**4.4. Chỉ đạo tuyến, sinh hoạt chuyên môn, tập huấn:**

- Chỉ đạo tuyến:

+ BV Bà Rịa chỉ đạo tuyến về: Đọc kết quả đo chức năng hô hấp, Đái tháo đường trên thai kỳ và hướng dẫn sử dụng bột khô Bibag trong lọc thận.

+ TTYT thực hiện chỉ đạo tuyến cho các trạm Y tế bằng hình thức nhận tuyến dưới về thực hành kỹ thuật chuyên môn tại Trung tâm Y tế (trực tiếp cầm tay chỉ việc) và tham vấn trực tiếp từng trường hợp bệnh cụ thể qua điện thoại (khi cần).

- Sinh hoạt chuyên môn, tập huấn:

+ Đã tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn công tác chuyên môn, điều trị, cách lấy bệnh phẩm xét nghiệm và hướng dẫn sử dụng trang phục bảo hộ theo quy định để phòng chống dịch COVID-19; kỹ năng hồi sinh tim phổi...

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, bình bệnh án, bình đơn thuốc hàng tháng nhằm bảo đảm việc điều trị có hiệu quả và an toàn cho người bệnh.

**4.5. Công tác luân phiên có thời hạn:**

- Phân công bác sĩ tại các khoa tăng cường cho 9 trạm Y tế xã chưa có bác sĩ 1-2buổi/tuần để hỗ trợ khám chữa bệnh, giúp các Trạm Y tế quản lý, điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường, hỗ trợ công tác khám sức khoẻ người cao tuổi, học sinh.

- Khó khăn:

+ Việc luân phiên không thường xuyên do thiếu nhân lực khám bệnh tại trung tâm Y tế, bác sĩ bận công tác, tập huấn, đào tạo...

+ TTYT trong tình hình thiếu nhân sự, khối lượng công việc quá tải thường xuyên nhưng phải cử cán bộ chuyên môn tăng cường hỗ trợ tuyến xã nên nhân sự tại TTYT càng thiếu, ảnh hưởng đến công việc.

**4.6. Công tác Dược:**

- Công tác cung ứng thuốc, vaccin gặp nhiều khó khăn: Nhiều công ty giao thuốc không đủ hoặc chậm tiến độ, ảnh hưởng đến công tác điều trị.

- Công tác cung ứng hóa chất, VTYT phòng chống dịch COVID-19 cũng gặp khó khăn do thị trường khan hiếm hàng.

- Công tác thông tin thuốc và dược lâm sàng chưa triển khai hiệu quả do nhân sự mới tuyển dụng.

- Không có trường hợp bị phản ứng ADR.

**4.7. Công tác khám sức khỏe người cao tuổi, khám sức khoẻ học sinh:**

- Số người cao tuổi được khám quản lý sức khỏe 8.613, đạt tỷ lệ 61,7%.

- Số khám sức khoẻ học sinh: 34.945/36657 đạt 95,3%

**4.8. Công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học:** có 06 đề tài NCKH và 01 sáng kiến được Hội đồng Khoa học & Công nghệ đánh giá đạt yêu cầu, trong đó có 01 đề tài có phạm vi ảnh hưởng cả tỉnh.

**4.9. Triển khai phòng khám YHGĐ:** Bước đầu thực hiện các hoạt động: Quản lý, điều trị, tư vấn các bệnh không lây nhiễm, quản lý sức khỏe người cao tuổi.

**4.10. Công tác tài chính:**

**4.11. Công tác cải tiến chất lượng bệnh viện: kết quả ngắn gọn**

**5. CÔNG TÁC NÂNG CAO NĂNG LỰC TRẠM Y TẾ XÃ:**

- Triển khai kế hoạch nâng cao năng lực hoạt động trạm Y tế xã: Rà soát toàn diện, xây dựng kế hoạch phát triển chuyên môn, kỹ thuật, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Triển khai mô hình điểm tại Trạm Y tế xã Bình Châu, bước đầu đã củng cố nội quy, quy chế, lề lối làm việc, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh.

- Triển khai khâu đột phá về quản lý các bệnh không lây.

- Tiếp tục triển khai mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại 3 TYT xã: Hòa Bình, Hòa Hiệp, Bình Châu.

- Triển khai toàn diện mô hình trạm Y tế Xanh-Sạch-Đẹp.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

**1. Mặt làm được:**

- Công tác y tế dự phòng:

+ Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch COVID-19, không để xảy ra lây lan trong cộng đồng.

+ Không để các dịch bệnh khác bùng phát.

+ Duy trì hiệu quả hoạt động thực hiện chương trình mục tiêu y tế-dân số.

+ Tăng cường thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe người cao tuổi, thực hiện khâu đột phá.

- Khám, chữa bệnh:

+ Tiếp tục đổi mới phong cách phục vụ người bệnh, giao tiếp ứng xử, tỷ lệ thư khen tăng cao.

+ Quy chế chuyên môn, chất lượng khám, chữa bệnh tiếp tục được duy trì.

+ Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

+ Đã rà soát, củng cố việc kê đơn, chỉ định nhằm hạn chế bị xuất toán.

- Nâng cao năng lực hoạt động trạm Y tế:

+ Bước đầu triển khai có hiệu quả mô hình điểm tại trạm Y tế xã Bình Châu.

+ Duy trì hiệu quả hoạt động theo bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020.

**2. Mặt tồn tại:**

- Tỷ lệ khám, chữa bệnh giảm đáng kể.

- Số vượt định mức khám bệnh còn cao do thiếu bác sĩ.

- Tỷ lệ chuyển tuyến còn cao.

**PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021**

**1. Tổ chức, nhân sự:**

- Tiếp tục ổn định, duy trì bộ máy tổ chức Trung tâm Y tế huyện theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Củng cố đội ngũ viên chức quản lý, đánh giá năng lực theo tiêu chí.

- Bố trí nhân sự hợp lý tại các bộ phận trực thuộc.

- Nhận bàn giao các hạng mục đã hoàn thành của dự án mở rộng TTYT và đưa vào sử dụng hiệu quả.

- Triển khai kế hoạch nâng quy mô giường bệnh lên 220 giường.

**2. Y tế dự phòng:**

- Tiếp tục duy trì công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19, không lơ là, chủ quan; chủ động phòng chống dịch Sốt xuất huyết và Tay chân miệng, đồng thời tăng cường tuyên truyền, giám sát các bệnh dịch nguy hiểm khác.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện nhằm đạt yêu cầu về khối lượng và chất lượng các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế-dân số.

- Tăng cường việc thực hiện nhằm đạt chỉ tiêu khâu đột phá của tỉnh, khám sức khỏe người cao tuổi, khám sức khỏe học sinh.

**3. Khám, chữa bệnh:**

- Khám bệnh: Thực hiện các giải pháp hợp lý, đặc biệt là nhân lực để bảo đảm định mức số lượt khám/bàn khám bệnh/ngày, đồng thời nâng cao chất lượng khám bệnh.

+ Tiếp tục triển khai phòng khám Y học gia đình, mở rộng các hoạt động và nâng cao chất lượng.

+ Triển khai có hiệu quả Phòng tư vấn “Ngày đầu tiên” về bệnh Tăng huyết áp và Đái tháo đường.

- Cấp cứu:

+ Sắp xếp nhân sự hợp lý, duy trì tốt công tác thường trực.

+ Nâng cao chất lượng chuyên môn tại khoa Hồi sức cấp cứu, tập trung thực hiện tốt công tác cấp cứu (nội viện, ngoại viện và liên viện).

- Điều trị nội trú: Tiếp tục củng cố quy chế chuyên môn, nâng cao chất lượng điều trị để thu hút bệnh nhân tại các khoa nội trú, đặc biệt phát huy điểm mạnh về ngoại khoa và sản khoa, kết hợp Y tế biển đảo.

- Cận lâm sàng: Triển khai tốt các hoạt động xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh.

- Bảo đảm cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh; đẩy mạnh công tác thông tin thuốc và dược lâm sàng. Thành lập Tổ Dược lâm sàng, bước đầu thực hiện theo quy định.

- Tiếp tục rà soát các nội dung cải tiến chất lượng bệnh viện, áp dụng thực hành 5S, tăng cường thực hiện giải pháp nâng cao cao tỉ lệ hài lòng của người bệnh nội trú, ngoại trú, nhân viên y tế.

- Tăng cường hoạt động của các hội đồng tư vấn: Khoa học-Công nghệ, Thuốc và điều trị, Tổ giám sát BHYT.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hạn chế đến mức thấp nhất các phản ánh của người bệnh về tinh thần, thái độ phục vụ, giao tiếp ứng xử, chất lượng khám, chữa bệnh.

**4. Nâng cao năng lực trạm Y tế:**

- Tiếp tục triển khai mô hình điểm nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động tại trạm Y tế xã Bình Châu, từng bước mở rộng triển khai các giải pháp củng cố, nâng cao năng lực tại các trạm Y tế xã khác.

- Tiếp tục triển khai, nâng cao chất lượng hoạt động mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại 03 trạm Y tế: Hòa Bình, Hòa Hiệp và Bình Châu.

- Triển khai tốt công tác quản lý, điều trị các bệnh không lây tại trạm Y tế.

**5. Kiến nghị:**

**5.1. Sở Y tế:**

- Nhân lực:

+ Tuyển dụng đủ số lượng chỉ tiêu biên chế theo kế hoạch.

+ Luân phiên bác sĩ từ các bệnh viện tuyến tỉnh hỗ trợ Trung tâm Y tế.

+ Đào tạo, bồi dưỡng: sau đại học, liên thông đại học, đào tạo liên tục.

- Bổ sung trang thiết bị y tế: Theo dự án nâng cấp, mở rộng trung tâm Y tế lên 200 giường bệnh.

**5.2. UBND huyện:**

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ và giám sát, chất lượng công trình nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất Trung tâm Y tế lên 200 giường bệnh.

- Tiếp tục thực hiện chống xuống cấp các trạm Y tế xã, thị trấn.

- Tiếp tục chỉ đạo và hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch.

**Nơi nhận:** **GIÁM ĐỐC**

- Sở Y tế (b/c);

- UBND huyện (b/c);

- Ban Giám đốc (đ/b);

- Các bộ phận trực thuộc;

- Website;

- Lưu: VT, KHNV. **BS CKII. Hồ Văn Hải**

**PHỤ LỤC: ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020**

| **NỘI DUNG** | **Kế hoạch 2020** | **Thực hiện 2020** | **Tỉ lệ**  **(%)** | **So sánh 2019** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dân số** |  |  |  |  |
| 1-Dân số | 143.300 |  |  | 154.670 |
| 2-Tỉ lệ tăng tự nhiên(%o) | 10,9 | 10,6 | Đạt | 10,9 |
| **Khám chữa bệnh** |  |  |  |  |
| 1-Số giường tại TTYT | 200 | 150 | 100 | 150 |
| 2- Tổng số lần khám tại TTYT | 150.000 | 167.570 | 111 | 191.457 |
| 3- Tổng số lần khám tại TYT | 40.000 | 51.861 | 129 | 49.592 |
| 4- Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú | 13.688 | 9.811 | 71,6 | 14.694 |
| 5-Tổng số ngày điều trị nội trú | 43.800 | 26.654 | 60,8 | 44.350 |
| 6-Công suất giường bệnh | 80 | 48,6% | 60,7% | 81% |
| + Khoa HSCC | 80 | 77,8 |  | 105 |
| + Khoa Nội - Nhi | 80 | 82,8 |  | 134 |
| + Khoa Truyền nhiễm | 80 | 28,8 |  |  |
| + Khoa Ngoại TH | 80 | 47,1 |  | 62,6 |
| + Khoa CSSKSS | 80 | 22 |  | 48,4 |
| + Khoa YHCT&PHCN | 80 | 12,9 |  | 34,2 |
| **Cận lâm sàng** |  |  |  |  |
| 1-Xét nghiệm | 120.000 | 86.167 | 71,8 | 148.496 |
| 2-X Quang | 12.000 | 12.586 | 104,8 | 14.773 |
| 3-Siêu âm | 12.000 | 10.746 | 89,5 | 12.931 |
| 4-CT scan | - | 925 |  | 616 |
| 5-Nội soi | 1.000 | 54 | 5,4 | 298 |
| 6-ECG | 10.000 | 5.905 | 59,05 | 9.443 |
| **Phẫu thuật, thủ thuật** |  |  |  |  |
| 1-Phẫu thuật | 4000 | 4.056 | 101 | 5.593 |
| 2-Thủ thuật | 4000 | 5.612 | 140 | 6.358 |
| **BVSKBMTE-KHHGĐ** |  |  |  |  |
| 1-Tỉ lệ quản lý thai (%) | 98,7 | 99,8 | Đạt | 99,7 |
| 2-Tỉ lệ thai phụ sinh có CBYT đỡ (%) | 99,5 | 100 | Đạt | 100 |
| 3- Tỉ lệ tai biến sản khoa (%) | <15,3 | 00 | Đạt | 00 |
| Áp dụng các biện pháp tránh thai |  |  |  |  |
| -Đình sản | 15 | 10 | 66,6 | 11 |
| -Vòng tránh thai | 1.100 | 637 | 57,9 | 760 |
| -Thuốc tiêm | 272 | 309 | 113,6 | 309 |
| - Thuốc cấy | 15 | 05 | 33,3 | 3  (không có que cấy) |
| - Thuốc uống | 2.850 | 3.198 | 112,2 | 3350 |
| -Bao cao su | 3.150 | 3.320 | 105,4 | 3380 |
| **Phòng chống sốt rét** |  |  |  |  |
| Số mắc sốt rét | 30 | 01 | Đạt | 04 |
| Tử vong | 00 | 00 | 00 | 00 |
| **Phòng chống sốt xuất huyết:** |  |  |  |  |
| 1-Số mắc | 205 | 184 | 89,7 | 1447 |
| 2-Số chết | 00 | 00 | 100% | 00 |
| 3-Số xã triển khai chiến dịch diệt lăng quăng 2 lần trong năm | 13 | 13 | 100 | 13 |
| **Tiêm chủng mở rộng** |  |  |  |  |
| 1- TE <1 tuổi tiêm chủng đầy đủ | 2.403 | 2.398 | 98 | 2646 |
| 2- VAT2 + Phụ nữ có thai | 2.398 | 2.255 | 90 | 2540 |
| 3-Tiêm MR và DTP4 trẻ 18 tháng | 2.453 | 2.359 | 96 | 2657 |
| 4-Tiêm IPV | 2.398 | 2.274 | 95 | 2.225 |
| **Bảo vệ SKTT cộng đồng** |  |  |  |  |
| 1-Bệnh nhân mới | 16 | 8 | 50 | 25 |
| 2- Tỉ lệ bệnh nhân được điều trị duy trì | 80 | 495 | 97,4 | 474/502 |
| 3-Tỉ lệ bệnh nhân được điều trị ổn định (%) | 90 | 495 | 97,4 | 489/502 |
| **Phòng chống lao** |  |  |  |  |
| 1-Số người khám phát hiện | 1200 | 490 | 40,8 | 765 |
| 2-Bệnh nhân mới | 140 | 150 | 107 | 228 |
| 3-Bệnh nhân điều trị khỏi | 130 | 130 | 100 | 133 |
| **Vệ sinh an toàn thực phẩm** |  |  |  |  |
| 1-Tỉ lệ mắc NĐTP/ 100.000 dân | <7 | 38 | Không đạt | 00 |
| 2-Tỉ lệ cơ sở đạt yêu cầu về VSATTP (%) | 90 | 485 | 80,4 | 85,3 |
| **Phòng chống bệnh không lây nhiễm** |  |  |  |  |
| 1. **Tăng huyết áp** |  |  |  |  |
| Số bệnh nhân đã được chẩn đoán | 50% | 10.011 | 53,7 | 6337 |
| Số BN được quản lý và điều trị | 30% | 5.121 | 51,1 | 2263 |
| - Trong đó, Số BN có hồ sơ quản lý ngoại trú tại TYT |  |  | 62,8 | 1.423 |
| Số bệnh nhân đạt mục tiêu điều trị |  |  | 73,9 | 1052 |
| 1. **Đái tháo đường** |  |  |  |  |
| Số bệnh nhân đã được chẩn đoán | 40% | 1.875 | 43,6 | 1863 |
| Số BN được quản lý và điều trị | 40% | 940 | 50,1 | 288 |
| - Trong đó, Số BN có hồ sơ quản lý ngoại trú tại TYT |  |  | 72,9 | 210 |
| Số bệnh nhân đạt mục tiêu điều trị |  |  | 70 | 147 |
| **Phòng chống dịch bệnh** |  |  |  |  |
| **1. Bệnh tay chân miệng** |  |  |  |  |
| Số mắc tối đa cho phép | 315 | 131 | Đạt | 260 |
| Số chết tối đa | 0 | 0 | Đạt | 0 |
| Tỷ lệ ổ dịch được điều tra và xử lý (%) | 98 | 100 | Đạt | 100 |
| **2. Bệnh thủy đậu** |  |  |  |  |
| Số mắc tối đa cho phép | 45 | 43 | Đạt | 15 |
| Số chết tối đa | 0 | 0 | Đạt | 0 |
| **3. Bệnh Quai bị** |  |  |  |  |
| Số mắc tối đa cho phép | 21 | 20 | Đạt | 16 |
| Số chết tối đa | 0 | 0 | Đạt | 0 |
| **Vệ dinh môi trường** |  |  |  |  |
| 1. Tỉ lệ HGĐ được sử dụng nước sạch (%). | **63** | 75,4 | Đạt | 65,6 |
| 2. Tỉ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh (%). | **96** | 98,9 | Đạt | 96,9 |
| 2. Tỉ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (%). | **96** | 96,3 | Đạt | 96,6 |
| 5. Tỷ lệ nhà máy cấp nước được giám sát chất lượng | **04**  **(100%)** | 4 | 100% | 4 |